

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
TỈNH BẮC GIANG

Bản án số: 01/2023/HNGĐ -ST

Ngày 11/01/2023

V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giáp Quang Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Anh Dũng, ông Nguyễn Văn Kiểm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Nam - Thư ký Tòa án huyện T.

- Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa: Ông Vi Văn Cảnh - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 11/01/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang, tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 228/2022/TLST-HNGĐ ngày 05/10/2022, về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 259/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 160/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23/12/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn N, xã Q, huyện T, tỉnh B(vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Thân Văn S, sinh năm 1967; nơi cư trú: Thôn N, xã Q, huyện T, tỉnh B(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 16/9/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh S kết hôn ngày 10/01/2003, kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh B theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận không có mâu thuẫn gì lớn xảy ra, kể từ năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống giữa hai vợ chồng không hợp nhau, nên trong cuộc sống vợ chồng thường xảy ra cãi cọ, xô xát với nhau; hiện vợ chồng đang sống ly thân kể từ năm 2019 cho tới nay, không còn quan hệ tình cảm và không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh S càng sớm càng tốt để giải phóng cho nhau.

- *Về con chung*: Chị và anh S sinh được 02 con chung là Thân Hồng V, sinh ngày 23/5/2010 và Thân Ánh Đ, sinh ngày 23/5/2010, hiện các con đang ở cùng chị, các con vẫn khỏe mạnh và phát triển bình thường; do đó nay ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cả 02 con và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

- *Về tài sản chung*: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 11/10/2022, bị đơn là anh Thân Văn S trình bày: Anh và chị H kết hôn ngày 10/01/2003, kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh B theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận không có mâu thuẫn gì lớn xảy ra, kể từ tháng 02/2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị H thuê nhà ở trọ để cách ly Covid, sau khi hết Covid thì anh bảo chị H chuyển về nhà ở nhưng chị H không về, thỉnh thoảng chị H có về nhà chốc lát rồi lại đi, hiện vợ chồng sống ly thân với nhau từ tháng 02/2022 cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh mong muốn chị H rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ, nếu chị H kiên quyết ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Về con chung*: Anh và chị H sinh được 02 con chung là Thân Hồng V, sinh ngày 23/5/2010 và Thân Ánh Đ, sinh ngày 23/5/2010; hiện cả hai con đang ở cùng với mẹ. Nay do anh không muốn ly hôn nên anh không có ý kiến gì về việc ai là người trực tiếp nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Xác minh tại địa phương, trưởng thôn N cho biết: Chị H và anh S cư trú tại: Thôn N, xã Ngọc Châu, huyện T. Chị H kết hôn với anh S năm 2003. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, kể từ năm 2019 vợ chồng chị H, anh S phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, nên vợ chồng thường xảy ra cãi cọ với nhau; hiện vợ chồng đang sống ly thân từ năm 2021 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa.

Quá trình giải quyết vụ án: Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt có lý do chính đáng, anh S vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do.

Kiểm sát viên trình bày quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của BLTTDS như: Xác định đúng thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp theo khoản 1 Điều 28; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của đương sự theo khoản 2, khoản 3 Điều 68; xác minh, thu thập chứng cứ đầy đủ đúng quy định từ các điều 93 đến 97; đảm bảo thời hạn xét xử theo Điều 203, Điều 204 của BLTTDS.

Nguyên đơn chị H đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình, bị đơn anh S không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Thân Văn S.

Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Thân Hồng V, sinh ngày 23/5/2010 và Thân Ánh Đ, sinh ngày 23/5/2010.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt có lý do chính đáng; bị đơn anh Thân Văn S đã được Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng anh S đều vắng mặt không có lý do; nay do anh S vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị H và anh Thân Văn S kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T theo quy định của pháp luật, do đó xác định là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn chính giữa vợ chồng chị H và anh S là do bất đồng về quan điểm sống, hiện mâu thuẫn giữa chị H và anh S đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó, nay chị H yêu cầu được ly hôn anh S là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên cần được chấp nhận.

[3] *Về con chung:* Chị H và anh S có 02 con chung là Thân Hồng V, sinh ngày 23/5/2010 và Thân Ánh Đ, sinh ngày 23/5/2010, hiện cả hai con đang ở cùng chị H, nay chị H xin được nuôi cả hai con.

Xét điều kiện nuôi con của chị H thì thấy: Chị H có công việc và thu nhập ổn định, hiện các con đang ở với chị H, các con vẫn khỏe mạnh và phát triển bình thường, nay các con đều có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ; do đó cần giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là đảm bảo sự ổn định, phát triển về mọi mặt của các con, phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự đều không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; các điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Thân Văn S.

2. *Về con chung:* Giao chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Thân Hồng V, sinh ngày 23/5/2010 và Thân Ánh Đ, sinh ngày 23/5/2010.

Anh Thân Văn S không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh S thực hiện quyền này.

3. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí nộp tại biên lai số 0011808 ngày 05/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị H đã thi hành xong án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS T;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Giáp Quang Huy